

THỰC TRẠNG CHIỀU CAO VÀ CÂN NẶNG NGƯỜI VIỆT NAM LỨA TUỔI 18

PGS.TS. Trần Hiếu¹; PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương¹;
TS. Vũ Thị Hồng Thu²; ThS. Đặng Bình Hương³

Tóm tắt: Chiều cao và cân nặng là 2 chỉ số hình thái cơ bản, phản ánh sự phát triển thể chất của một con người cũng như của một quốc gia. Năm 2020 Viện Khoa học Thể dục thể thao đã thực hiện nhiệm vụ: “Khảo sát thể chất người Việt Nam theo tiêu chí của ASEAN”. Quá trình khảo sát được thực hiện ở 03 tỉnh, thành phố là Sơn La, Đà Nẵng, Cần Thơ. Kết quả khảo sát về chiều cao và cân nặng của người Việt nam lứa tuổi 18 cho thấy, về cơ bản các chỉ số về chiều cao và cân nặng của người dân Việt Nam năm 2020 đều cao hơn so với kết quả Điều tra thể chất nhân dân năm 2001.

Từ khóa: chiều cao, cân nặng, lứa tuổi 18, người Việt Nam.

Summary: Height and weight are two basic morphological indicators, reflecting the physical development of a person as well as a country. In 2020, the Institute of Exercise and Sports Sciences carried out the task: “Physical survey of Vietnamese people according to ASEAN criteria”. The survey process was carried out in 03 provinces and cities: Son La, Da Nang, and Can Tho. Survey results on height and weight of Vietnamese people aged 18 show that basically the height and weight indicators of Vietnamese people in 2020 are higher than the results of the physical survey. People in 2001.

Keywords: height, weight, 18 years old, Vietnamese

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Với chủ đề “Một tầm nhìn, một bản sắc, một cộng đồng” (One vision, one identity, one community), Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN thống nhất kế hoạch phát triển, hợp tác đến năm 2025 gồm 14 lĩnh vực, trong đó thể thao là lĩnh vực có sự hợp tác toàn diện thông qua Kế hoạch hành động về thể thao khối ASEAN giai đoạn 2016-2020 (ASEAN Work Plan on Sport 2016-2020). Những lĩnh vực ưu tiên hợp tác trong Kế hoạch này gồm: (1) Thúc đẩy sự hòa nhập của khối ASEAN thông qua các hoạt động thể thao; (2) Các chương trình giao lưu thể thao; (3) Xây dựng lối sống vững bền và khỏe mạnh; (4) Các chương trình nâng cao kỹ năng và năng lực thể thao. Thực hiện lĩnh vực ưu tiên về xây dựng lối sống vững bền và khỏe mạnh của người dân ASEAN, Kế hoạch đã đề xuất xây dựng “Bộ chỉ số thể chất ASEAN” (ASEAN Physical Fitness Indicators – APFI) và phân công cho Thái Lan là nước chủ trì với thời gian thực hiện từ năm 2017 đến năm 2020.

Thực hiện kế hoạch trên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Tổng cục TDTT (nay là Cục TDTT) đã giao Viện Khoa học TDTT thực hiện nhiệm vụ: “Khảo sát thể chất người Việt Nam theo tiêu chí của ASEAN”, địa điểm khảo sát được thực hiện ở 03 tỉnh, thành phố là Sơn La, Đà Nẵng, Cần Thơ.

Trong nội dung bài báo này, chúng tôi tiến hành so sánh 02 chỉ số Chiều cao và Cân nặng của lứa tuổi 18 ở 03 tỉnh, thành với kết quả Điều tra thể chất nhân dân năm 2001. Đây là cơ sở quan trọng cho việc đánh giá về sự phát triển thể chất người Việt Nam sau gần 20 năm.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Thực trạng chiều cao và cân nặng của người Việt Nam lứa tuổi 18 theo giới tính và khu vực

Thực trạng chiều cao và cân nặng của người Việt Nam lứa tuổi 18 theo giới tính và khu vực được trình bày tại bảng 1 và 2.

Từ bảng 1 cho thấy:

Nhìn chung Chiều cao của đối tượng kiểm

Bảng 1. Thực trạng chiều cao của người Việt Nam lứa tuổi 18 – thời điểm 2020

Giới tính	Khu vực	Sơn La (1)		Đà Nẵng (2)		Cần Thơ (3)		Người VN - 2001	
		\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$
Nam	Thành thị	166.3	3.72	168.4	5.34	169.1	5.42	165.3	5.58
	Nông thôn	165.3	4.72	168.5	5.21	167.6	5.17	164.3	5.76
Nữ	Thành thị	153.6	4.48	158	6.38	155.3	3.23	153.8	5.21
	Nông thôn	151.45	6.52	155.4	3.57	157.6	5.34	154.3	5.31

Bảng 2. Thực trạng cân nặng của người Việt Nam lứa tuổi 18 – thời điểm 2020

Giới tính	Khu vực	Sơn La (1)		Đà Nẵng (2)		Cần Thơ (3)		Người VN - 2001	
		\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$
Nam	Thành thị	57	4.86	65.67	13.73	71.9	22.37	53.3	5.91
	Nông thôn	57.03	6.16	59.14	12.42	63.1	12.17	52.1	5.42
Nữ	Thành thị	46.43	8.77	46.42	4.93	51.1	9.45	45.7	4.87
	Nông thôn	45.7	3.71	51.29	6.89	49.35	4.42	46.5	4.35

tra thời điểm 2020 đều cao hơn (tốt hơn) so với thời điểm 2001 ở cả 3 tỉnh, thành, đặc biệt thể hiện rõ ở nam giới lứa tuổi 18.

Tuy nhiên, ở nữ Sơn La và nữ Cần Thơ (khu vực Thành thị), chiều cao ở thời điểm kiểm tra 2020 thấp hơn so với kết quả Điều tra thể chất nhân dân 2001, đặc biệt là đối tượng nữ Sơn La khu vực Nông thôn.

Kết quả trên có thể lý giải, do đối tượng kiểm tra nữ Nông thôn tỉnh Sơn La hầu hết là người dân tộc thiểu số, có điều kiện sinh hoạt không tốt so với những khu vực khác.

Từ bảng cho thấy:

Nhìn chung Chiều cao của đối tượng kiểm tra thời điểm 2020 đều cao hơn (tốt hơn) so với thời điểm 2001 ở cả 3 tỉnh, thành. Tương tự chỉ số Chiều cao, sự chênh lệch ở nam lứa tuổi 18 thể hiện rõ hơn so với nữ lứa tuổi 18.

2.2. So sánh chiều cao và cân nặng của người Việt Nam lứa tuổi 18

Kết quả so sánh chiều cao và cân nặng của

người Việt Nam lứa tuổi 18 giữa 2 thời điểm kiểm tra được trình bày tại bảng 3 và 4.

Từ bảng 3 cho thấy:

Khi so sánh kết quả kiểm tra 2020 với thời điểm 2001 theo khu vực, kết quả cho thấy:

Về chiều cao:

Sau gần 20 năm, chiều cao của nam lứa tuổi 18 khu vực Thành thị tăng 2.81cm; khu vực Nông thôn là 4.45cm.

Chiều cao của nữ lứa tuổi 18 khu vực Thành thị tăng 5.21 cm; khu vực Nông thôn là 4.45cm.

Về cân nặng:

Cân nặng của nam lứa tuổi 18 khu vực Thành thị tăng 4.0kg; khu vực Nông thôn là 16.69kg.

Cân nặng của nữ lứa tuổi 18 khu vực Thành thị tăng 4.62kg; khu vực Nông thôn là 2.13kg.

Như vậy, các chỉ số chiều cao và cân nặng của nam lứa tuổi 18 có sự tăng trưởng mạnh hơn so với nữ lứa tuổi 18 ở 2 thời điểm kiểm tra.

Qua so sánh mẫu phạm vi toàn quốc tại bảng 4 cho thấy:

Bảng 3. So sánh chiều cao và cân nặng của người Việt Nam lứa tuổi 18 theo khu vực sinh sống

Giới tính	Khu vực	Chỉ số	Người VN - 2020		Người VN - 2001		Chênh lệch
			\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$	
Nam	Thành thị	Chiều cao	168.11	5.12	165.3	5.58	2.81
		Cân nặng	61.53	12.33	53.3	5.91	8.23
	Nông thôn	Chiều cao	168.75	4.6	164.3	5.76	4.45
		Cân nặng	68.79	18.35	52.1	5.42	16.69
Nữ	Thành thị	Chiều cao	157.8	5.75	153.8	5.21	4
		Cân nặng	50.32	5.72	45.7	4.87	4.62
	Nông thôn	Chiều cao	155.62	3.56	154.3	5.31	1.32
		Cân nặng	48.63	7.54	46.5	4.35	2.13

Bảng 4. So sánh chiều cao và cân nặng của người Việt Nam lứa tuổi 18 với thời điểm 2001

Giới tính	Chỉ số	Người VN - 2020		Người VN - 2001		Chênh lệch	t
		\bar{x}	$\pm\delta$	\bar{x}	$\pm\delta$		
Nam	Chiều cao	168.44	4.81	164.85	5.22	3.59	8.69
	Cân nặng	65.25	15.93	53.15	6.88	9.1	18.74
Nữ	Chiều cao	156.68	4.82	153.47	5.19	3.21	7.77
	Cân nặng	49.46	6.69	45.76	4.08	3.73	8.44

- Chỉ số chiều cao sau gần 20 năm tăng từ 3,59cm (ở nam) và 3.21cm (ở nữ); Chỉ số cân nặng tăng từ 3.73kg (ở nữ) đến 9.10kg (ở nam).

- Sự khác biệt về kết quả kiểm tra chiều cao và cân nặng giữa 2 thời điểm (ở cả nam và nữ) là có ý nghĩa thống kê với $P < 0.05$.

3. KẾT LUẬN

Chiều cao và cân nặng là 2 chỉ số hình thái cơ bản, phản ánh sự phát triển thể chất của một con người cũng như của một quốc gia. Kết quả khảo sát về chiều cao và cân nặng của người Việt Nam lứa tuổi 18 cho thấy, về cơ bản các chỉ số về chiều cao và cân nặng của người dân Việt Nam năm 2020 đều cao hơn so với kết quả Điều tra thể chất nhân dân năm 2001.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

2. Nguyễn Xuân Sinh (2012), *Giáo trình Lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

3. Thủ tướng chính phủ (2011), *Quyết định số 641/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 04 năm 2011 Về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 – 2030*.

4. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Tập 2*, Nxb Hồng Đức, Thanh Hóa.

5. Viện Khoa học TĐTT (2013), *Thể chất người Việt Nam từ 6 đến 60 tuổi đầu thế kỷ XXI*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích từ kết quả nghiên cứu: “Khảo sát thể chất người Việt Nam theo tiêu chí của ASEAN, do Viện Khoa học TĐTT thực hiện năm 2020.

Ngày nhận bài: 9/9/2023; Ngày duyệt đăng: 20/9/2023.